

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1592/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2163/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Xuân A

Địa chỉ: Phòng 304 chung cư Q, số E, đường R, tổ T, khu phố Y, phường U, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* ông Đặng Thanh B, sinh năm:

Địa chỉ: Phòng 304 chung cư Q, số E, đường R, tổ T, khu phố Y, phường U, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Xuân A trình bày:

Bà Lê Thị Xuân A và ông Đặng Thanh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận D, Thành phố F, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015 quyển số 01/2015, ngày 04/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông B không có trách nhiệm với gia đình làm cho bà A không còn tình cảm với ông B. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đặng Lê Trúc B1, sinh ngày 16/12/2016, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Lê Trúc B1 yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng mỗi tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà A trình bày không có tài sản chung.

Nợ chung: Bà A trình bày không có nợ chung.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông B đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B;

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đặng Lê Trúc B1, sinh ngày 16/12/2016, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà A trình bày không có tài sản chung.

Nợ chung: Bà A trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông Đặng Thanh B vắng mặt tại phiên tòa;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng, Tòa án có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Xuân A được ly hôn với ông Đặng Thanh B; Về con chung: bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Lê Trúc B1, sinh ngày 16/12/2016, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có. Án phí hôn nhân và gia đình bà A phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Đặng Thanh B, cư trú tại: Phòng 304 chung cư Q, số E, đường R, tổ T, khu phố Y, phường U, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

- Về tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

- Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì bà A và ông B đã chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015 quyền số 01/2015 ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông B đến Tòa án để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện, ông B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng. Do đó, việc bà A yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đặng Lê Trúc B1, sinh ngày 16/12/2016.

Trẻ Đặng Lê Trúc B1 sống chung với bà A và ông B từ khi mới sinh cho đến nay. Theo trình bày của bà thì bà là người trực tiếp chăm lo cho trẻ. Ông B không đến Tòa án và cũng không cung cấp ý kiến về việc nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà A có nơi ở và công việc ổn định, có thời gian chăm sóc cho trẻ Đặng Lê Trúc Bình. Đồng thời trẻ hiện đang ở với mẹ, trẻ là nữ và được mẹ trực tiếp chăm sóc từ nhỏ nên việc bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đặng Lê Trúc Bình là đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cho trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A cho rằng không có nhưng chưa có ý kiến của ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà A phải chịu án phí 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Xuân A và ông Đặng Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015 quyền số 01/2015, ngày 04/12/2015 do Ủy ban nhân dân phường S, quận D, Thành phố F cấp cho bà Lê Thị Xuân A và ông Đặng Thanh B không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Đặng Lê Trúc Bình, sinh ngày 16/12/2016 cho bà Lê Thị Xuân A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân A phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Xuân A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047707 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà Lê Thị Xuân A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CC THADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền